

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Bùi Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C (tên gọi khác: S), sinh năm: 1983 tại T; Hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã H, thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M; vợ con: Chưa có; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có năm anh em;

Tiền án:

+ Ngày 01-3-2001 bị TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 01-6-2005;

+ Ngày 24-01-2006 bị TAND thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xử phạt 25 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 10-8-2007;

+ Ngày 27-8-2008 bị TAND thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 26-9-2013;

+ Ngày 30-12-2015 bị TAND thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 07-01-2018.

Tiền sự: Ngày 12-12-2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 18 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về nhân thân: Ngày 10-01-1998 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 02-01-2019, chuyển tạm giam ngày 08-01-2019, “có mặt”.

2. Mai Trường T (tên gọi khác: M), sinh năm: 1995 tại Đ; Hộ khẩu thường trú: ấp H, xã C, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Trung T và bà Nguyễn Thị Kim T; vợ tên Nguyễn Hoàng Kim T và có một con sinh năm 2018; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn chị em; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02-01-2019, đến ngày 08-01-2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1953, “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chị Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm: 1999, “có mặt”

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Hoàng Kim T, sinh năm: 1995, “có mặt”

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975, “vắng mặt”

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 01-01-2019 tại nhà chị Huỳnh Thị Ánh T thuộc ấp T, xã M, huyện Đ, Mai Trường T và Nguyễn Văn C nhìn thấy 01 xe honda hiệu Vision, màu đỏ đen, biển số 72H1-229.73 đang dựng bên hông nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khóa và không có người trông coi nên T dùng xe trước nhà, C đi bộ đến mở khóa xe rồi chạy ra ngoài thì bị người dân phát hiện, truy đuổi đến Trung tâm y tế huyện Đất Đỏ thì bắt được T đang điều khiển xe 72H1-180.32, còn C điều khiển xe 72H1-229.73 vừa trộm được chạy về giấu phía sau dãy phòng trọ nhà T thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khoảng 500 mét. Đến 21 giờ cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã bắt được C và đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, C và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và giao nộp các tang vật gồm: 01 xe Honda hiệu Vision màu đỏ biển số 72H1-180.32; 01 đoản (dài 07cm, bằng kim loại, hình lục giác có đầu bẹp); 01 tay cầm hình chữ L (dài 08cm, bằng kim loại); số tiền 7.400.000đồng; 01 sổ tiết kiệm Ngân hàng Agribank số AD 00006754080 và 01 thẻ căn cước công dân cùng mang tên Lê Thị A. (BL đến 65; 203 đến 212).

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KLĐGTS-HĐĐG ngày 02-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đất Đỏ kết luận: 01 xe Honda hiệu Vision, màu đỏ đen, biển số 72H1-229.73 trị giá 27.200.000đồng. (BL 115).

Ngoài ra, quá trình điều tra Nguyễn Văn C còn thừa nhận vào 00 giờ 30 phút ngày 26-11-2018, C phát hiện nhà bà Nguyễn Thị T thuộc khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có người trông coi nên đã phá chốt cửa đột nhập vào nhà. Do trong nhà nhiều tài sản nên C về rủ thêm T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng nhau lấy toàn bộ tài sản gồm: 01 bếp gas loại lớn, màu đen, phía trên có dòng chữ Sakura; 01 bình gas loại lớn, màu hồng, phía trên có ghi dòng chữ Petrovietnam; 01 bình ắc quy loại N100, 12V-100Ah, phía trên có ghi dòng chữ Enimac; 01 bếp gas mini, màu trắng, phía trên có dòng chữ Namilux; 01 thùng đá màu đỏ, loại 25 lít; 10 ghế dựa màu xanh gồm 05 ghế loại

cao và 05 ghế loại thấp; 06 tấm bạt nhựa màu xanh-cam kích thước 3x3cm; 05 cái võng bằng vải; 05 xô nhựa màu đỏ, loại 07 lít; 01 thùng bia Tiger, loại 24 lon 330ml; 01 chai dầu ăn Tường An, loại 02 lít; 20 lon nước ngọt các loại (7 up, Pepsi, coca...); 01 điện thoại di động Arbutus màu vàng, phía trên có ghi dòng chữ Music player, loại phím cơ; 01 radio màu đỏ đen, phía trên có dòng chữ Craven; 01 điện thoại di động màu đen, phía trên có ghi dòng chữ Nokia, loại phím cơ; 03 nồi bằng kim loại màu trắng, đường kính 28cm; 20 gói mì hiệu Gấu đỏ; 10kg gạo trắng, loại gạo nở; 03 con do thái lan, loại nhỏ; 01 xe đạp mini màu hồng, phía trên thân xe có ghi dòng chữ Alodin.

Toàn bộ tài sản nêu trên, C và T đem về cất giấu tại nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 thuộc khu phố H, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Qua điều tra, bà H đã tự nguyện giao nộp lại số tài sản mà C gửi tại nhà bà. (BL 191 đến 202).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL.HĐĐG ngày 12-12-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Điền kết luận: Toàn bộ tài sản mà C và T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T có tổng giá trị là 6.155.000đồng. (BL 111).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Chị Huỳnh Thị Ánh T yêu cầu C và T cùng liên đới bồi thường giá trị chiếc xe Honda hiệu Vision, biển số 72H1-229.73 do không thu hồi được với số tiền là 27.200.000đồng. Ngày 19-3-2019, T đã tự nguyện nộp tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ số tiền 5.000.000đồng để bồi thường một phần thiệt hại cho chị T. Bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

*** Về vật chứng của vụ án:**

- 01 xe Honda hiệu Vision màu đỏ biển số 72H1-180.32 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Hoàng Kim T (vợ của T), chị T không biết việc T lấy xe đi trộm cắp tài sản, vì vậy ngày 07-01-2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại xe cho chị T.

- 01 sổ tiết kiệm Ngân hàng Agribank số AD 00006754080 và 01 thẻ căn cước công dân cùng mang tên Lê Thị A, ngày 07-01-2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại cho bà A là chủ sở hữu hợp pháp.

- Vật chứng còn đang tạm giữ gồm: 01 đoạn (dài 07cm, bằng kim loại, hình lục giác có đầu bẹp); 01 tay cầm hình chữ L (dài 08cm, bằng kim loại) và số tiền 12.400.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị H không biết số tài sản mà C gửi ở nhà mình là do C trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Điền không đủ cơ sở để xử lý bà H về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đối với người có tên T cùng với C đi trộm cắp tài sản, do chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các bị hại không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố Mai Trường T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị T số tiền 27.200.000đồng, cụ thể yêu cầu bị cáo C bồi thường 11.000.000đồng và bị cáo T bồi thường 16.200.000đồng, các bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Mai Trường T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 36 (ba mươi sáu) tháng đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Mai Trường T từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự, đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi của mình đã gây ra, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức hình phạt thấp nhất để các bị cáo có cơ hội tự tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo C và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị hại, tang vật đã thu giữ cũng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Từ đó có đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11 năm 2018 đến đầu tháng 01 năm 2019 tại khu phố T, thị trấn H, huyện Đ và ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bị cáo C đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của các bị hại bà Nguyễn Thị T và chị Huỳnh Thị Ánh T có tổng giá trị là 33.355.000đồng. Trong đó, bị cáo T 01 lần tham gia cùng bị cáo C chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Ánh T 01 chiếc xe Honda hiệu Vision, màu đỏ đen, biển số 72H1-229.73 trị giá 27.200.000đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài.

Bị cáo C đã bốn lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, có đủ căn cứ xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì tham lam, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an

tại địa phương, lỗi của các bị cáo là cố ý trực tiếp. Về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Ngoài ra, bị cáo là người đề xuất và rủ T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng thực hiện tội phạm, là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Thành và chị T. Đối với bị cáo T, mặc dù bị cáo chỉ tham gia 01 vụ trộm cắp nhưng có vai trò rất tích cực, là người chuẩn bị công cụ, phương tiện, chủ động đề xuất và rủ bị cáo C cùng đi tìm tài sản để trộm cắp, là người cảnh giới để bị cáo C thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt bị cáo C phải cao hơn mức hình phạt của bị cáo T mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo C 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, trị giá tài sản mỗi lần chiếm đoạt trên 2.000.000đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

- + Bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- + Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa chị T xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại chị T đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, nên cần ghi nhận. Bị cáo C và bị cáo T liên đới bồi thường cho chị T số tiền 27.200.000đồng, cụ thể bị cáo C bồi thường 11.000.000đồng, bị cáo T bồi thường 16.200.000đồng. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo T đã tự nguyện giao

nộp số tiền 5.000.000đồng để bồi thường cho chị T và tại phiên tòa bị C đồng ý lấy số tiền 7.400.000đồng hiện đang tạm giữ của bị cáo để bồi thường một phần thiệt hại cho chị T. Như vậy, bị cáo C còn phải bồi thường cho chị T 3.600.000đồng và bị cáo T còn phải bồi thường cho chị T 11.200.000đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ giao trả số tiền 12.400.000đồng cho chị T.

Riêng bà T đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 đoạn (dài 07cm, bằng kim loại, hình lục giác có đầu bẹp); 01 tay cầm hình chữ L (dài 08cm, bằng kim loại) là công cụ, phương tiện các bị cáo chuẩn bị để dùng vào việc phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về các vấn đề khác:

- Đối với bà Nguyễn Thị H không biết số tài sản mà bị cáo C gửi ở nhà mình là do bị cáo C trộm cắp mà có nên không xem xét, xử lý là phù hợp.

- Đối với người có tên T cùng với bị cáo C đi trộm cắp tài sản của bà T, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí:

- Án phí về hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí về dân sự: Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo và chị T đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại nên các bị cáo không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C (tên gọi khác: S) và bị cáo Mai Trường T (tên gọi khác: M) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 02-01-2019.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Trường

T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 02-01-2019 đến ngày 08-01-2019.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đoản (dài 07cm, bằng kim loại, hình lục giác có đầu bẹp); 01 tay cầm hình chữ L (dài 08cm, bằng kim loại).

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22-3-2019).

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại chị T về việc bồi thường thiệt hại như sau: Bị cáo C và bị cáo T liên đới bồi thường giá trị chiếc xe Honda hiệu Vision, màu đỏ đen, biển số 72H1-229.73 với số tiền 27.200.000đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường như sau:

- Bị cáo C bồi thường cho chị T số tiền 11.000.000đồng, đã bồi thường 7.400.000đồng, vì vậy còn phải bồi thường thêm cho chị T số tiền 3.600.000đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Bị cáo T bồi thường cho chị T số tiền 16.200.000đồng, đã bồi thường 5.000.000đồng, vì vậy còn phải bồi thường thêm cho chị T số tiền 11.200.000đồng (Mười một triệu hai trăm ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ giao trả cho chị T số tiền 12.400.000đồng (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) hiện đang tạm giữ theo Biên lai thu tiền số 0009176 ngày 22-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo C và bị cáo T mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể

từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV 06 CA tỉnh BR-VT;
- PC 10 CA tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung